

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch chung thị trấn Đình Cả,
huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý dự án và chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, lập đồ án quy hoạch và chi phí thực hiện các công việc có liên quan đến lập quy hoạch;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 458/TTr-KT&HT ngày 02/10/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch chung thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023-2035 với các nội dung như sau:

1. Giá trị dự toán: 2.979.611.378 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát địa hình: 858.213.784 đồng

- + Chi phí lập nhiệm vụ, lập đồ án quy hoạch: 1.767.419.500 đồng
 - + Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, thẩm định, chi phí đấu thầu, chi phí lấy ý kiến, chi phí quản lý nghiệp vụ, chi phí công bố...): 353.978.094 đồng
- (Có dự toán chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước huyện.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng căn cứ dự toán được duyệt, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Giám đốc kho bạc nhà nước huyện Võ Nhai và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, LĐVP.

(Điệp - KT&HT)



CHỦ TỊCH



Bùi Thị Sen

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP
QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN ĐÌNH CẢ, HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2023-2035
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN ĐÌNH CẢ, HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Quy mô = 1.053,38 ha Tỷ lệ 1/5000
 (Kèm theo Quyết định số 2228 /QĐ-UBND ngày 04 /10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai)

I. Căn cứ pháp lý

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về Quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng.
- Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Công bố Giá số 2736/CBLS-XD-TC của Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Thái Nguyên ngày 31/8/2023

II. Giá trị dự toán

- Áp dụng Bảng 4 & 11 của Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

$$\text{Công thức nội suy : } Nt = Nb - \left\{ \frac{Nb - Na}{Gb - Ga} \right\} \times (Gb - Gt)$$

III. Quy mô Khảo sát, lập quy hoạch

- 1 Quy mô ks đo vẽ bản đồ địa hình 1:5000 1.200 ha
 Quy mô đo vẽ địa hình tỷ lệ 1.5000 700 ha
 Quy mô mua bản đồ địa hình 500 ha
- 2 Quy mô lập quy hoạch là: 1.053,38 ha

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Giá quy hoạch (triệu đồng)	Định mức cho các công việc liên quan (%)			Ghi chú
				Nhiệm vụ	Thẩm định	Quản lý	
	Giá trị cần tính	Nt	1.585,747	20,998	6,329%	5,929%	Bảng 4 TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
1	Giá trị của quy mô cận dưới	Na	1.570,00	20,70	7,50%	7,10%	
2	Giá trị của quy mô cận trên	Nb	2.750,00	43,00	5,50%	5,10%	
3	Quy mô cận dưới	Ga	1.000 ha	1.000 ha	1.000,00	1.000,00	
4	Quy mô cận trên	Gb	5.000 ha	5.000 ha	2.000,00	2.000,00	
5	Quy mô cần tính	Gt	1.053,38	1.053,38	1.585,75	1.585,75	

TT	Hạng mục công việc	Giá gốc tương ứng với quy mô	Tỷ lệ áp dụng		Thuế VAT 10%	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	2	3	4	5=(3*4)	6 =5*10%	7=5+6	
I	Chi phí khảo sát địa hình						
1	Chi phí khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000			680.450.808	68.045.081	748.495.889	Có dự toán chi tiết kèm theo
2	Chi phí mua tài liệu phục vụ khảo sát			10.000.000	1.000.000	11.000.000	
3	Lập nhiệm vụ khảo sát		3% x Gks	20.413.524	2.041.352	22.454.876	
4	Chi phí Giám sát công tác Khảo sát		4,072% x (Gks+Lnv)	28.539.196	2.853.920	31.393.116	
5	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu, thẩm tra, thẩm định hồ sơ khảo sát		7% x (T+C)	40.790.821	4.079.082	44.869.903	
	Cộng :					858.213.784	
II	Chi phí lập quy hoạch						
1	Chi phí lập quy hoạch	1.585.747.000	100%	1.585.747.000	158.574.700	1.744.321.700	Bảng 4 TT 20/2019/TT
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	20.998.000	100%	20.998.000	2.099.800	23.097.800	
	Cộng :			1.606.745.000	160.674.500	1.767.419.500	
III	Chi phí khác					353.978.094	
1	Chi phí thẩm định quy hoạch						
a	Chi phí thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch	20.998.000	20%	4.199.600	-	4.199.600	Điều 6 TT 20/2019/TT-BXD
b	Chi phí thẩm định Đồ án quy hoạch	1.585.747.000	6,329%	100.354.091	-	100.354.091	Bảng 11 TT 20/2019/TT-BXD
	Cộng :			104.553.691	-	104.553.691	
2	Chi phí đấu thầu						
a	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn	2.296.611.332	0,632%	14.514.584	1.451.458	15.966.042	Bảng 2.18 - TT12/2021/TT-BXD 31/08/2021
b	Thẩm định HSMT, kq đánh giá HSDT tư vấn	2.296.611.332	Tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000	NĐ 63/NĐ-CP ngày 26/6/2014
	Cộng :			16.514.584	1.651.458	18.166.042	

3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đề án quy hoạch	1.585.747.000	5,929%	94.011.103	-	94.011.103	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
4	Chi phí công bố quy hoạch	1.585.747.000	3,00%	47.572.410	4.757.241	52.329.651	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí lấy ý kiến cộng đồng	1.585.747.000	2,00%	31.714.940	3.171.494	34.886.434	
6	Chi phí thẩm tra dự toán			2.000.000	200.000	2.200.000	HĐ trọn gói
7	Chi phí kiểm toán độc lập	2.931.780.205	0,96%	28.145.090	2.814.509	30.959.599	NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	2.959.925.295	0,57%	16.871.574		16.871.574	
	Tổng cộng					2.979.611.378	

(Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng./.)